TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **138**/2018/HS-PT
Ngày: 22-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:**

Ông Đỗ Thành Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 91/2018/TLPT-HS ngày 27 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo Đổ Thị Tuyết N.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Đổ Thị Tuyết N, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Số 7xx, tổ 17, khóm 2, phường 6, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở: Số 7xx, tổ 17, khóm 2, phường 6, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đổ Văn P (đã chết) và bà Trương Thị N1 (đã chết); Có chồng là Đặng Văn M, sinh năm 1964; Có 01 người con là Đổ Thị Kiều Y, sinh năm: 2000; Tiền án, tiền sự: Không;

Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án người bị hại không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Thị Tuyết N là người giúp việc nhà cho gia đình ông Phạm Văn T, sinh năm 1953, ngụ tại số 0x T, tổ 10, khóm 1, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp từ tháng 8-2017. Lợi dụng sự sơ hở của gia đình ông T, N đã lén lút chiếm đoạt tài sản 04 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 07 giờ vào một ngày ở giữa tháng 10-2017, thấy vợ chồng ông T đi chợ, chỉ còn một mình mẹ ông T là bà Nguyễn Thị N2, 103 tuổi, già yếu nên N nảy sinh ý định tìm tài sản trong nhà ông T để lấy trộm. Ngay thời điểm đó, N đi vào phòng ngủ của bà N2 ở tầng 1 (phòng không có khóa cửa, bà N2 không có trong phòng) tìm chìa khóa tủ và mở được một hộc tủ thì phát hiện một cái bóp màu đỏ-đen, bên trong có túi vải màu đỏ đựng một xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng. N lấy túi đựng tiền giấu vào túi quần đang mặc rồi đi xuống nhà vệ sinh ở tầng trệt đếm được 54 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, tổng cộng là 27.000.000 đồng. Số tiền có được, N đến tiệm vàng Kim Ái mua một sợi dây chuyền vàng 18 kara trị giá 5.000.000 đồng; đưa cho chị Nguyễn Thị Hồng T1 là Chi hội trưởng khóm 2 để trả khoản vay của Hội phụ nữ phường 6 là 4.000.000 đồng, phần còn lại tiêu xài cá nhân hết.

Lần 2: Ngày 03-12-2017, N hỏi mượn xe máy ông T đi công việc, do bận việc nên ông T chỉ cho N chìa khóa xe để trong túi quần tây treo ở chân cầu thang tầng trệt. N đến lấy chìa khóa xe thì phát hiện có chìa khóa tủ gỗ cá nhân của ông T để trong phòng bà N2 nên N lấy đem ra chợ C làm thêm một chìa khóa khác, mục đích đợi cơ hội sẽ mở tủ chiếm đoạt tài sản. Đến sáng ngày 04-12-2017, biết ông T đi Thành phố Hồ Chí Minh còn vợ ông T đi chợ nên N vào phòng của bà N2 dùng chìa khóa đã làm từ trước mở tủ của ông T lấy 02 chiếc nhẫn vàng 18 kara, mỗi chiếc trọng lượng 0,5 chỉ cất vào túi quần. N tiếp tục lục túi hồ sơ màu trắng bên

trong có 02 túi vải màu xanh và màu đỏ, N mở túi màu đỏ thấy có 22 tờ mệnh giá 500.000 đồng lấy giấu vào túi quần rồi sắp xếp lại mọi thứ như ban đầu. Khoảng 14 giờ ngày 05-12-2017, N mượn xe của ông T đi đến tiệm vàng Kim Ái bán 02 chiếc nhẫn được 1.900.000 đồng. Tổng tiền, vàng chiếm đoạt được 12.900.000 đồng, N tiêu xài cá nhân hết.

Theo Kết luận định giá tài sản số 200/KL-ĐGTS ngày 27-12-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: 02 chiếc nhẫn loại vàng 18 kara, trọng lượng 01 chỉ tại thời điểm bị chiếm đoạt, trị giá: 2.250.000 đồng. Như vậy, lần này N chiếm đoạt được 13.250.000 đồng.

Lần 3: Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 10-12-2017, biết vợ chồng ông T đi vắng, N đến giường của bà N2 lục bên trong áo gối nằm đặt trên đầu giường lấy 1.200.000 đồng (gồm 02 tờ mệnh giá 500.000 đồng và 01 tờ mệnh giá 200.000 đồng) giấu vào túi quần đang mặc. Có được tiền, N tiêu xài cá nhân hết.

Lần 4: Do nhiều lần bị mất tiền, ngày 10-12-2017 ông T lắp camera quan sát ở tầng 1 và phòng ngủ của bà N2, đồng thời mua 08 tờ tiền âm phủ ghi giá trị 500.000 đồng để vào bìa hồ sơ màu trắng trong hộc tủ cá nhân của mình. Đến khoảng 08 giờ ngày 11-12-2017, N tiếp tục vào mở tủ lục tìm lấy 08 tờ tiền âm phủ giấu vào túi quần đang mặc. N xuống nhà vệ sinh tầng trệt lấy tiền ra kiểm tra thì phát hiện nên vứt vào sọt rác.

Đến ngày 12-12-2017, N tiếp tục lục tủ tìm tiền trộm cắp nhưng không có. Trong cùng ngày, ông T xem lại camera thì phát hiện N có hành vi lén lút lục tìm tài sản nên ông T trình báo Công an phường 1 đến xác minh, thu giữ toàn bộ số tiền âm phủ mà N đã vứt bỏ vào sọt rác. Tại đây, N đã thừa nhận toàn bộ thành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Công an phường 1 chuyển toàn bộ hồ sơ và vật chứng đến Cơ quan điều tra Công an thành phố C xử lý theo thẩm quyền.

Tổng số tài sản N chiếm đoạt trong vụ án này là 45.450.000 đồng. Ông T và N tự nguyện thỏa thuận N phải bồi thường thiệt hại cho ông T 41.200.000 đồng. N đã bồi thường 25.000.000 đồng và hai bên thỏa thuận N phải trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 16.200.000 đồng, Ông T đã làm đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho N.

Ông T tự nguyện giao nộp 01 USB 2GB không rõ nhãn hiệu, lưu trữ đoạn Video Clip trong Camera quan sát ghi lại hình ảnh N trộm cắp tài sản tại phòng ngủ của bà N2. Cơ quan điều tra đã tiến hành niêm phong vật chứng lưu vào hồ sơ vụ án.

Đối với chiếc chìa khóa N đã vứt bỏ xuống sông ngang Cầu Nguyễn Văn Tre, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, Đổ Thị Tuyết N thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2018/HS-ST ngày 20/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo: Đổ Thị Tuyết N phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Đổ Thị Tuyết N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02 tháng 4 năm 2018, bị cáo Đổ Thị Tuyết N có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đổ Thị Tuyết N về việc xin được hưởng án treo, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm, do bị cáo N không cung cấp thêm tình tiết mới có cơ sở để được xem xét giảm nhẹ hình phạt ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết.

Trong phần tranh luận bị cáo Đổ Thị Tuyết N không có tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên như nêu trên, chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Đổ Thị Tuyết N đã thừa nhận tòa bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung Cáo trạng thể hiện: Bị cáo là người giúp việc nhà cho gia đình ông Phạm Văn T, cư trú tại số 0x T, tổ 10, khóm 1, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp từ tháng 8-2017. Lợi dụng sự sơ hở của gia đình ông T, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của ông T 04 lần, cụ thể như sau: *Lần 1:* Giữa tháng 10-2017, thấy vợ chồng ông T đi chợ, chỉ còn một mình mẹ ông T là bà Nguyễn Thị N2, 103 tuổi, già yếu ở nhà, nên bị cáo nảy sinh ý định tìm tài sản trong nhà ông T để lấy trộm. Bị cáo lén lút lấy chìa khóa tủ mà bà N2 để trên đầu tủ và mở tủ lấy số tiền 27.000.000 đồng; *Lần 2:* Ngày 04-12-2017, khi thấy vợ chồng ông T ra khỏi nhà, nên bị cáo vào phòng của bà N2 dùng chìa khóa bị cáo đã làm từ trước khi ông T đưa chìa khóa xe cho bị cáo mượn để mở tủ của ông T lấy 02 chiếc nhẫn vàng 18 kara và số tiền 11.000.000 đồng; *Lần 3:* Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 10-12-2017, biết vợ chồng ông T đi vắng, bị cáo đến giường của bà N2 lục bên trong áo gối nằm đặt trên đầu giường lấy 1.200.000 đồng; *Lần 4:* Khoảng 08 giờ ngày 11-12-2017, bị cáo tiếp tục vào mở tủ lục tìm lấy tài sản trộm, do vội vàng bị cáo lấy 08 tờ tiền âm phủ giấu vào túi quần đang mặc, sau đó xuống nhà vệ sinh tầng trệt lấy tiền ra kiểm tra thì phát hiện là tiền âm phủ nên vứt vào sọt rác. Do ông T bị mất tài sản nhiều lần nên lắp đặt camera và phát hiện hành vi phạm tội của bị cáo. Khi bị phát hiện bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của chủ sở hữu, đã gây mất trật tự trị an và hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân. Bị cáo trong độ tuổi lao động, có sức khỏe nhưng lại không chịu lao động chân chính để có thu nhập hợp pháp, chỉ vì tham lam muốn có tiền nhanh chóng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, bị cáo lợi dụng sự sơ sở trong quản lý tài sản của người khác đã nhiều lần lén lút chiếm đoạt tiền của ông T. Theo bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã định giá tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của ông T là 41.450.000 đồng. Rõ ràng bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo N về tội "*Trộm cắp tài sản"* là đúng người, đúng tội và có căn cứ. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với

bị cáo là không nặng, hoàn toàn phù hợp tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã cân nhắc, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo N kháng cáo xin được hưởng án treo, tại phiên tòa mặc dù bị cáo nêu ra hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, tuy nhiên không đủ cơ sở cho bị cáo được hưởng án treo, vì bị cáo không xuất trình được những tình tiết mới ngoài các tình tiết mà án sơ thẩm đã xem xét. Nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Do hành vi phạm tội của bị cáo N được thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (viết tắt là Bộ luật hình sự năm 2015) có hiệu lực pháp luật (ngày 01/01/2018). So với quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 thì tội phạm hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (viết tắt là Bộ luật hình sự năm 1999) là tương ứng và bằng nhau. Vào thời điểm xét xử sơ thẩm thì Bộ luật hình sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định Bộ luật hình sự năm 2015 để giải quyết trong vụ án này là phù hợp Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy áp dụng quy định Bộ luật hình sự năm 2015 trong việc giải quyết vụ án này.

[5] Từ những nội dung trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo N là có cơ sở, phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[6] Do kháng cáo của bị cáo N không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Đổ Thị Tuyết N. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt.

Tuyên bố bị cáo: Đổ Thị Tuyết N phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đổ Thị Tuyết N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Bị cáo Đổ Thị Tuyết N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Tấn Lợi

Nơi nhận:
- TANDTC (Vụ GĐ-KT1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND – VKSND TP. C;
- Chi cục THADS TP. C;
- Cơ quan CSĐT CA TP. C;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Nghĩa).